

Số: **4599**/KL-STC

Hà Nội, ngày **09** tháng **08** năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2022 tại UBND huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QHXII ngày 29/6/2010.

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ-STC ngày 14/4/2023 của Sở Tài chính Hà Nội về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách tại UBND huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội.

Xét Báo cáo số 36/BC-ĐTTR ngày 29/6/2023 của Đoàn Thanh tra về kết quả thanh tra, Sở Tài chính kết luận thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2022 tại UBND huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội, như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Tình hình chung

Huyện Gia Lâm nằm ở phía Đông của Thủ đô Hà Nội, phía Bắc giáp với quận Long Biên, phía Tây Nam có địa giới là dòng sông Hồng, giáp với huyện Thanh Trì và quận Hoàng Mai; Phía Đông Bắc và Đông giáp với các huyện Từ Sơn, Tiên Du, Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh; Phía Nam giáp với huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Gia Lâm có diện tích 116 km², dân số trên 29 vạn người.

Trên địa bàn Huyện có trên 4.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ và hơn 14.000 hộ kinh doanh cá thể, có 05 cụm công nghiệp (*Phú Thị, Hapro, Ninh Hiệp, Bát Tràng, Kiều Kỵ*), 04 làng nghề (*Bát Tràng, Giang Cao, Kim Lan (gốm sứ); Kiều Kỵ (quỳ vàng và may da); Ninh Hiệp (thuốc Nam, thuốc Bắc); Phù Đồng (trồng cây cảnh, hoa giấy)*).

2. Tổ chức bộ máy:

Huyện có 128 đơn vị trực thuộc (*Văn phòng Huyện ủy và 04 Ban Đảng, 13 phòng ban, 05 hội, đoàn thể, 05 đơn vị sự nghiệp công lập, 78 trường học và 22 xã, thị trấn*). Tổng số biên chế có mặt đến thời điểm ngày 31/12/2022 là 3.657 người, trong đó: Trình độ chuyên môn từ đại học trở lên 2.745 người, tỷ lệ 75,1%.

Năm 2022, huyện Gia Lâm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Kinh tế trong nước, thành

phố Hà Nội cũng như Huyện còn gặp nhiều khó khăn do phải tiếp tục kiểm soát dịch Covid-19... Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể nhân dân trên địa bàn Huyện, KTXH năm 2022 đã phục hồi tích cực, giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu do Huyện quản lý ước tăng 10,52% so với năm 2021, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng (*Dịch vụ 42,7%, kế hoạch 42,2%; Công nghiệp, xây dựng 50,2%, kế hoạch 50,7%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 7,1%, kế hoạch 7,1%*). Năm 2022, huyện Gia Lâm hoàn thành 15/16 chỉ tiêu kế hoạch Thành phố giao và 19/21 chỉ tiêu HĐND huyện giao. Chủ động, quyết liệt, tích cực triển khai chủ đề công tác năm 2022 “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển*”.

B. KẾT QUẢ THANH TRA:

Kết quả thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách tại UBND huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội năm 2022 như sau:

I. Thanh tra việc chấp hành các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; việc phân bổ, giải ngân, thanh quyết toán vốn đầu tư (*Chi tiết theo biểu 01 đính kèm*):

1. Công tác tham mưu điều hành, tổng hợp ngân sách Huyện:

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội và các quyết định điều chỉnh, bổ sung trong năm; Các Nghị quyết của HĐND Huyện: Số 33/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2022; Số 34/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước huyện năm 2022..., UBND huyện Gia Lâm đã ban hành Quyết định số 8899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung trong năm. UBND Huyện đã thực hiện phân bổ, giao dự toán thu - chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc cơ bản theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và UBND Thành phố.

1.1. Công tác giao dự toán thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu NSNN trên địa bàn: Dự toán Thành phố giao 5.092.240.000.000 đồng; Dự toán HĐND Huyện quyết định: 5.092.240.000.000 đồng, bằng 100% dự toán Thành phố giao.

Thu Ngân sách địa phương: Dự toán Thành phố giao 2.483.043.000.000 đồng; Dự toán HĐND Huyện quyết định: 2.483.043.000.000 đồng, bằng 100% dự toán Thành phố giao.

1.2. Công tác phân bổ giao dự toán chi ngân sách nhà nước:

Chi NSNN địa phương: Dự toán Thành phố giao 2.483.043.000.000 đồng; Dự toán HĐND Huyện quyết định: 3.198.687.389.728 đồng bằng 128,8% dự toán Thành phố giao.

1.3. Công tác quyết toán ngân sách năm 2022:

Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 của UBND Huyện đã được Kho bạc Nhà nước Huyện đối chiếu, xác nhận và đã được HĐND Huyện phê chuẩn.

1.4. Công tác công khai ngân sách:

UBND Huyện đã thực hiện công khai dự toán ngân sách Huyện theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách (UBND Huyện đã ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 về công khai số liệu, dự toán ngân sách Huyện năm 2022; Quyết định số 5031/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của Huyện).

2. Thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022

2.1. Thu ngân sách nhà nước:

2.1.1. Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn là 4.542.285.985.183 đồng, gồm: Thu nội địa 4.537.984.863.974 đồng, bằng 89,1% dự toán giao; Thu viện trợ 4.203.881.209 đồng; các khoản huy động, đóng góp 97.240.000 đồng. Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất là 240.202.920.955 đồng, bằng 17,4% dự toán Thành phố và Huyện giao.

- Thu từ thuế, phí, thu khác: 4.297.781.943.019 đồng, bằng 115,8% dự toán Thành phố và Huyện giao.

2.1.2. Thu Ngân sách Huyện:

Tổng thu cân đối Ngân sách Huyện + Xã là: 6.226.456.961.688 đồng, bằng 250,8% dự toán Thành phố giao và 239% dự toán HĐND Huyện quyết định, gồm có:

- Thu ngân sách Huyện được hưởng theo phân cấp là 1.899.595.225.997 đồng, bằng 81% dự toán Thành phố và HĐND Huyện giao. Trong đó: Thu tiền sử dụng đất là 192.154.128.586 đồng, bằng 17,4% dự toán Thành phố và HĐND Huyện giao; Thu từ thuế, phí và các khoản thu khác: 1.707.441.097.511 đồng, bằng 137,2% dự toán Thành phố và Huyện giao, bao gồm:

+ Các khoản thu ngân sách Huyện hưởng 100% là 534.021.527.602 đồng, bằng 140,5% dự toán giao.

+ Các khoản thu ngân sách Huyện hưởng điều tiết theo tỷ lệ (%) là 1.365.573.698.395 đồng, bằng 69,4% dự toán giao.

- Số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 256.301.906.700 đồng (*Ngân sách Thành phố bổ sung mục tiêu cho Huyện: 134.563.000.000 đồng; Ngân sách Huyện bổ sung cho ngân sách xã: 121.738.906.700 đồng*).

- Thu chuyển nguồn năm trước: 3.452.015.950.417 đồng (*ngân sách Huyện: 3.041.930.167.211 đồng; Ngân sách xã: 410.085.783.206 đồng*).

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 618.543.878.574 đồng (*ngân sách Huyện: 555.897.219.474 đồng; Ngân sách xã: 62.646.659.100 đồng*).

Đánh giá công tác thu ngân sách: Công tác thu cơ bản đạt và vượt dự toán. Bên cạnh đó, còn có khoản thu chưa đạt dự toán như: Thuế thu nhập cá nhân 96,5%; Thu tiền sử dụng đất 17,4%... Nguyên nhân năm 2022 tình hình kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh còn phức tạp... ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân; công tác đấu giá quyền sử dụng đất còn gặp nhiều vướng mắc khi giải phóng mặt bằng và thu hồi đất...

2.2. Chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi ngân sách Huyện: 6.178.990.597.264 đồng, bằng 248,8% dự toán Thành phố giao và 193,2% dự toán Huyện giao sau điều chỉnh.

2.2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

Số quyết toán chi đầu tư XD CB là 1.436.131.587.174 đồng, bằng 106,3% dự toán Thành phố giao và 72,9% dự toán Huyện giao sau điều chỉnh.

Theo báo cáo, tỷ lệ giải ngân không đạt dự toán giao của Huyện theo kết quả trên là do một số dự án vướng công tác giải phóng mặt bằng, một số dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư...

2.2.2. Chi thường xuyên:

a. Dự toán Thành phố giao là: 1.084.434.000.000 đồng (*Giao đầu năm 1.062.338.000.000 đồng; Bổ sung trong năm 22.096.000.000 đồng*). Dự toán Huyện giao sau điều chỉnh bổ sung là 1.063.523.234.019 đồng.

b. Số quyết toán chi thường xuyên là 1.013.742.014.760 đồng, bằng 93,5% dự toán Thành phố giao và 95,3% dự toán Huyện giao.

2.2.3. Chi từ dự phòng ngân sách: Dự toán Thành phố giao 46.970.000.000 đồng; Dự toán HĐND Huyện quyết định 46.970.000.000 đồng; Quyết toán 38.181.355.000 đồng.

2.2.4. Chi chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023:

Tổng chi chuyển nguồn năm 2022 là 3.557.102.528.014 đồng, gồm có:

- Chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 3.072.513.421.834 đồng (chuyển nguồn vốn đầu tư XD CB: 410.031.166.738 đồng; chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương: 2.659.626.221.686 đồng; Chuyển nguồn chi thường xuyên các nhiệm vụ bổ sung sau ngày 30/9/2022 theo quy định: 2.856.033.410 đồng).

- Chuyển nguồn ngân sách xã: 484.589.106.180 đồng (chuyển nguồn tạm ứng đầu tư XD CB: 6.202.009.419 đồng; chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương: 478.235.792.761 đồng; Chuyển nguồn chi thường xuyên: 151.304.000 đồng).

2.2.5. Chi nộp ngân sách cấp trên: 12.094.205.616 đồng (trong đó: ngân sách huyện nộp trả ngân sách Thành phố 12.016.496.416 đồng và ngân sách xã nộp trả ngân sách Huyện 77.709.200 đồng). Đây là khoản nộp trả ngân sách Thành phố kinh phí duy trì một số lĩnh vực hạ tầng và kinh phí mục tiêu năm 2022 hết nhiệm vụ chi.

2.2.6. Thực hiện một số chỉ tiêu chi Thành phố giao:

a. Kinh phí bổ sung có mục tiêu Thành phố:

- Kinh phí được sử dụng: 195.288.299.848 đồng, gồm có:

+ Kinh phí năm 2021 chuyển sang năm 2022: 60.725.299.848 đồng (đầu tư: 60.667.299.848 đồng; thường xuyên: 58.000.000 đồng).

+ Kinh phí được giao năm 2022: 134.563.000.000 đồng (đầu tư: 91.500.000.000 đồng; thường xuyên: 43.063.000.000 đồng).

- Kinh phí đã quyết toán: 146.013.962.769 đồng (đầu tư: 109.388.694.312 đồng; thường xuyên: 36.625.268.457 đồng).

- Kinh phí chuyển nguồn sang 2023: 42.441.936.140 đồng (đầu tư: 42.441.936.140 đồng; thường xuyên: 0 đồng).

- Kinh phí còn dư hết nhiệm vụ chi: 6.832.400.939 đồng (đã nộp trả ngân sách Thành phố).

b. Nguồn cải cách tiền lương (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm):

- Tổng nguồn cải cách tiền lương năm 2022 là 2.635.750.356.120 đồng.

- Quyết toán chi cải cách tiền lương năm 2022 là 10.833.568.400 đồng.

- Nguồn CCTL chuyển năm sau: 2.624.916.787.720 đồng.

- 70% tăng thu năm 2022 để thực hiện cải cách tiền lương: 529.048.700.574 đồng.

- Tổng nguồn CCTL chuyển sang năm 2023 là 3.153.965.488.294 đồng.

2.2.7. *Kết dư ngân sách*: Kết dư ngân sách năm 2022 là 47.544.073.624 đồng (*ngân sách cấp huyện 10.114.831.323 đồng; ngân sách xã 37.429.242.301 đồng*).

2.3. Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Trong năm 2022, UBND Huyện đã phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành được 85 dự án, với tổng mức đầu tư là: 899.411.000.000 đồng; Tổng giá trị phê duyệt quyết toán là: 808.548.000.000 đồng; Giá trị đã thanh toán là 719.195.000.000 đồng, số vốn còn phải bố trí là: 92.244.000.000 đồng, số vốn phải thu hồi là 2.891.000.000 đồng.

II. Thanh tra việc chấp hành quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trong mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công:

1. Công tác xây dựng tiêu chuẩn định mức trụ sở làm việc.

UBND Huyện đã ban hành Văn bản số 4246/UBND-TCKH ngày 15/12/2022 đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ gửi Sở Tài chính Hà Nội.

2. Công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc; sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ:

- Theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của UBND huyện Gia Lâm theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ: (i) Các cơ sở nhà, đất được tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là 297 cơ sở nhà, đất tại 22 xã, thị trấn (*Tổng diện tích đất khoảng 807.526 m², tổng diện tích nhà khoảng 227.620 m²*); (ii) Điều chuyển tài sản trên đất đối với 01 cơ sở nhà, đất (*diện tích đất 445 m², diện tích nhà: 371 m²*) để bố trí sắp xếp lại, sử dụng làm trường mầm non trên địa bàn; (iii) Phần diện tích đất 135 m² của Trường THCS thị trấn Yên Viên có hộ dân sử dụng làm nhà ở, UBND huyện Gia Lâm có trách nhiệm rà soát toàn bộ hồ sơ, nguồn gốc quá trình quản lý sử dụng, thực hiện di dời hộ dân theo quy định (*Đối với nội dung này, UBND Huyện đã có văn bản số 350/BC-UBND ngày 14/10/2021 gửi Sở Tài chính về việc tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định số*

167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ; Năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD742049 ngày 07/10/2016 cho Trường THCS thị trấn Yên Viên, không bao gồm diện tích 135 m² nêu trên).

- Theo báo cáo của UBND huyện Gia Lâm: (i) Về tiến độ hoàn thiện hồ sơ về đất đai đối với cơ sở nhà, đất tiếp tục quản lý, sử dụng: Các cơ sở được UBND Thành phố phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng cơ bản đã hoàn tất các thủ tục về đất đai theo quy định. Một số trường hợp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hầu hết đã được Công ty đo đạc của Sở Tài nguyên và môi trường đo đạc; UBND các xã, thị trấn xác định tình trạng tranh chấp đất đai và đang hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận gửi Sở Tài nguyên và môi trường. Một số cơ sở chờ đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định; (ii) Số lượng các cơ sở nhà, đất chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 28 cơ sở; (iii) Số lượng cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt nay có sự thay đổi: 42 cơ sở.

- Năm 2022, UBND huyện Gia Lâm đã chuyển về trụ sở làm việc tại khu liên cơ tập trung tại số 1 Thuận An - thị trấn Trâu Quỳ - huyện Gia Lâm - Hà Nội và đang sử dụng các loại tài sản là bàn ghế, các trang thiết bị tại trụ sở làm việc mới.... Tuy nhiên qua kiểm tra, các phòng, ban, đơn vị chưa được nhận bàn giao tài sản này.

3. Đối với tài sản là xe ô tô:

Văn phòng HĐND-UBND huyện hiện đang quản lý 02 xe ô tô gồm: 01 xe Mitsubishi (BKS 31A-7066) xe 07 chỗ, năm sản xuất 2004, hiện đã hết khấu hao và 01 xe Ford Escape (BKS 31A-8148) xe 05 chỗ, năm sản xuất 2010. Đội trật tự xây dựng huyện hiện đang quản lý 01 xe ô tô bán tải, xe For (BKS 31A-5941) xe 05 chỗ, năm sản xuất 2003, hiện đã hết khấu hao.

III. Việc chấp hành các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, tài sản công:

Năm 2022, UBND Huyện đã ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/2/2022 về THTK, CLP năm 2022 và Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 13/01/2023 về kết quả công tác THTK, CLP và kết quả đánh giá THTK, CLP trong chi thường xuyên năm 2022. Theo báo cáo, năm 2022 UBND Huyện đã tiết kiệm trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán ngân sách là 46.231 triệu đồng; tiết kiệm trong đầu tư xây dựng là 29.749 triệu đồng.

IV. Thanh tra việc chấp hành Luật Kế toán:

Cơ bản các đơn vị đã chấp hành theo Luật Kế toán như: đã mở sổ theo dõi, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm; lập báo cáo quyết toán; chứng từ sắp xếp lưu trữ theo quy định...

C. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

I. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại các đơn vị được thanh tra:

1. Khối đơn vị hành chính:

1.1. Văn phòng HĐND - UBND Huyện:

- Được cấp và thanh quyết toán bổ sung kinh phí ngoài khoán từ nguồn kinh phí ngân sách để chi các nội dung: Chi bồi dưỡng tiếp dân, trang phục tiếp công dân, hoa trang trí Tết, quà tết, xăng dầu cho 02 xe ô tô, phí cầu đường, phí bảo trì đường bộ... là chưa phù hợp theo quy định tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; các nhiệm vụ này đã có trong định mức khoán kinh phí của các cơ quan, đơn vị.

- Đối với kinh phí mua Báo Kinh tế đô thị: UBND Huyện cấp kinh phí ngoài khoán cho Văn phòng HĐND - UBND Huyện số tiền là 840.660.000 đồng để mua báo, cung cấp cho các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn... là chưa đúng quy định tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách.

2. Khối xã:

2.1. UBND xã Dương Xá:

- Kinh phí chương trình mục tiêu ngân sách Huyện còn dư chưa nộp ngân sách 42.865.200 đồng.

- Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương số tiền 46.200.000 đồng.

2.2. UBND xã Đa Tốn: Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương số tiền 25.200.000 đồng.

2.3. UBND xã Ninh Hiệp: Không giải trình được số dư tồn trên tài khoản tiền gửi từ nhiều năm đối với các khoản thu hộ, chi hộ khác số tiền 11.889.412 đồng.

2.4. UBND xã Đặng Xá: Không xác định đối tượng chi trả đối với khoản thu hộ chi hộ (đã theo dõi từ năm 2006) số tiền là 31.758.676 đồng.

2.5. UBND xã Phú Thị: Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương số tiền 268.657.900 đồng.

2.6. UBND xã Phù Đồng: Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương số tiền 92.400.000 đồng.

2.7. UBND xã Kiêu Ky: Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương số tiền 16.800.000 đồng.

2.8. Tồn tại khác: Một số xã còn tồn tại nhiều khoản nợ đọng từ các hợp đồng cho thuê đất (UBND xã Kiêu Ky 108.604.000 đồng; UBND xã Đặng Xá 293.060.388 đồng; UBND xã Phù Đồng 3.939.714.698 đồng; UBND xã Yên Viên 891.525.000 đồng; UBND xã Phú Thị 508.040.800 đồng) và hợp đồng đặt trạm BTS (UBND xã Đặng Xá 60.000.000 đồng).

3. Khối trường:

3.1. Trường THCS Thị trấn Trâu Quỳ:

- Kinh phí cấp bù học phí đã được cấp cao hơn quy định số tiền 422.261.600 đồng.

- Chưa thực hiện trích kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn dạy thêm học thêm và nguồn dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ Tài chính, số tiền 141.772.097 đồng.

- Chưa thực hiện phân phối vào các quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 19, Mục II, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, số tiền 212.658.144 đồng.

4. Khối đơn vị sự nghiệp:

4.1. Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng:

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, nghiệm thu, thanh toán của một số phần chi phí xây dựng còn có tồn tại do áp dụng hệ số, đơn giá và tính toán khối lượng tại một số hạng mục công việc không đúng quy định đối với 03 công trình, số tiền là 286.642.327 đồng, cụ thể: (1) Công trình “Xây dựng Trường Mầm non khu vực xã Yên Viên và thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm” số tiền là

91.842.213 đồng; (2) Công trình “*Xây dựng tuyến đường khớp nối từ khu đô thị Đặng Xá đến Trường Tiểu học Trung Thành, huyện Gia Lâm*” số tiền là 72.418.248 đồng; (3) Công trình “*Xây dựng trường THCS Kiều Ky, huyện Gia Lâm*” số tiền là 122.381.866 đồng.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đối với công tác bê tông nền sân Terazzo của phần chi phí xây dựng đối với Công trình “*Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 Giang Cao - xã Bát Tràng - huyện Gia Lâm*” không đúng quy định số tiền là 34.037.203 đồng.

4.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất: Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, nghiệm thu, thanh toán một số công tác của phần chi phí xây dựng còn có tồn tại do áp dụng hệ số, đơn giá và tính toán khối lượng... một số hạng mục công việc không đúng quy định đối với Công trình Cải tạo, chỉnh trang đường liên thôn, trục chính thôn Cam 4, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm (*giai đoạn 2*) không đúng quy định, số tiền 23.513.894 đồng.

4.3. Đối với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện:

- Trích thiếu kinh phí CCTL số tiền là: 54.061.867 đồng từ nguồn thu khác (*Do Trung tâm đang hạch toán các khoản: tiền điện, tiền nước của các đơn vị hỗ trợ khi sử dụng trụ sở, hội trường... vào thu hộ, chi hộ là không đúng tính chất tài khoản*).

- Chưa thực hiện việc trích lập đầy đủ các Quỹ (*Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi...*) theo quy định tại Điều 18 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về phân phối kết quả tài chính trong năm. Số còn phải trích lập bổ sung vào các Quỹ là 1.330.596.373 đồng (*Trong đó, số chênh lệch của năm 2021 chưa phân phối kết quả tài chính còn lại là 1.249.503.572 đồng và số năm 2022 là 81.092.801 đồng*).

III. Việc chấp hành quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trong công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị:

Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2022 của các đơn vị còn sơ sài, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-

CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trường THCS Thị trấn Trâu Quỳ, UBND xã Đa Tốn, UBND xã Phú Thị, UBND xã Đặng Xá, UBND xã Phù Đổng, UBND xã Kiều Kỵ, UBND xã Yên Viên*).

2. Công tác xây dựng tiêu chuẩn định mức trụ sở làm việc:

Tại các đơn vị được thanh tra đều chưa xây dựng tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc; sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ:

Đối chiếu theo báo cáo của một số UBND các Xã, số cơ sở nhà, đất Xã đang quản lý, sử dụng có chênh lệch so với số cơ sở nhà, đất tại Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn UBND quận Gia Lâm theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (*UBND xã Dương Xá tăng 04 cơ sở nhà đất; UBND xã Đa Tốn tăng 01 cơ sở nhà đất; UBND xã Ninh Hiệp tăng 03 cơ sở nhà đất, UBND xã Phú Thị tăng 01 cơ sở nhà đất, UBND xã Kiều Kỵ tăng diện tích sử dụng đất là 10.847m², UBND xã Yên Viên tăng 03 cơ sở nhà đất, UBND xã Đặng Xá tăng 01 cơ sở nhà đất, UBND xã Phù Đổng tăng 02 cơ sở và giảm 01 cơ sở nhà đất*). Tại thời điểm kiểm tra tháng 6/2023, UBND các xã này chưa có Văn bản gửi UBND huyện Gia Lâm về việc rà soát, lập phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

4. Công tác rà soát hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà, đất:

Một số đơn vị chưa hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cơ sở nhà đất hoặc đối với phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận (*UBND xã Dương Xá, UBND xã Đa Tốn, UBND xã Ninh Hiệp, trường THCS Ninh Hiệp*).

5. Về việc cập nhật cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý sử dụng tài sản công của Bộ Tài chính:

Việc cập nhật dữ liệu về các thông tin quản lý sử dụng tài sản trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính của một số đơn vị chưa được Phòng Tài chính - Kế hoạch cập nhật đầy đủ (*Phòng Kinh tế, Trường THCS Thị trấn Trâu Quỳ*).

6. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

- Một số đơn vị khi thực hiện liên doanh, liên kết chưa xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội (*Trung tâm VH TT & TT thực hiện cho thuê địa điểm hoạt động thể chất...; Trường THCS Thị trấn Trâu Quỳ, Trường Mầm non Đa Tốn thực hiện thực hiện liên doanh, liên kết mở lớp dạy tiếng Anh*).

- Việc sử dụng tài sản công của các xã: UBND xã Ninh Hiệp ký 03 hợp đồng "Thuê sử dụng sân Trung tâm Văn hoá thể thao Xã Ninh Hiệp" với ông Nguyễn Khắc Thiệp từ năm 2020 đến hết năm 2022, tổng giá trị hợp đồng trong thời gian nêu trên là 380.000.000 đồng. Đối với số thu này, UBND Xã đã: Chi công tác quản lý và chi thay khóa cửa, số tiền 41.461.000 đồng; Số tiền còn lại 338.539.000 đồng, đến thời điểm thanh tra đã nộp vào Kho bạc nhà nước huyện Gia Lâm (*Chứng từ nộp tiền ngày 26/4/2023*). UBND Xã Dương Xá đã thực hiện ký 01 hợp đồng năm 2022 "Thuê địa điểm dạy học" cho Công ty cổ phần WinC Việt Nam, tổng giá trị hợp đồng trong thời gian là 18.200.000 đồng, đến thời điểm thanh tra đã nộp vào Kho bạc nhà nước huyện Gia Lâm (*Chứng từ nộp tiền ngày 13/12/2022*). UBND xã Ninh Hiệp (*Trung tâm Văn hoá thể thao xã Ninh Hiệp*), UBND xã Dương Xá (*Trung tâm Văn hoá thể thao Xã Dương Xá*) thực hiện cho thuê là chưa đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội.

7. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

Qua kiểm tra, các đơn vị vẫn còn cơ sở nhà đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để phục vụ việc theo dõi, quản lý và hạch toán,

kế toán như: UBND xã Phú Thị còn 01/7 cơ sở nhà đất (*Trung tâm Văn hóa Thể thao xã*); UBND xã Đặng Xá còn 02/11 cơ sở nhà đất; UBND xã Yên Viên còn 02/11 cơ sở nhà đất; UBND xã Kiều Kỵ còn 06/11 cơ sở nhà đất; UBND xã Phù Đồng 9/9 cơ sở nhà đất; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện còn 01/03 cơ sở nhà đất (*Nhà Văn hóa huyện*), Trường Mầm non Đa Tốn còn 02/02 cơ sở (*Thuận Tốn và Khoan Tế*); Văn phòng HĐND-UBND trụ sở UBND mới (*số 1 phố Thuận An, Trâu Quỳ, Gia Lâm*); UBND xã Ninh Hiệp (*Trung tâm Văn hóa Thể thao xã*).

8. Công tác quản lý, sử dụng tài sản là xe ô tô:

UBND huyện Gia Lâm đang thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Quyết định 1215/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội “*về việc thí điểm khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố*”. Ngày 28/02/2017, UBND huyện Gia Lâm đã ban hành Quyết định số 2151/QĐ-UBND về việc thực hiện thí điểm khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung.

Tuy nhiên, từ năm 2017 đến thời điểm thanh tra (09/05/2023), Văn phòng HĐND-UBND huyện hiện đang quản lý 02 xe ô tô gồm: 01 xe Misubisi (BKS 31A-7066) xe 07 chỗ, năm sản xuất 2004, hiện đã hết khấu hao và 01 xe Ford Escape (BKS 31A-8148) xe 05 chỗ, năm sản xuất 2010 là vượt tiêu chuẩn định mức theo quy định của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

Ngày 26/7/2019, UBND huyện Gia Lâm có văn bản số 256/BC-UBND báo cáo kết quả rà soát và đề xuất lựa chọn hình thức bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung theo Nghị định 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ trong đó đề xuất 01 xe thanh lý (*xe Misubisi BKS 31A-7066, xe 07 chỗ*) và 01 xe chuyên dùng giữ lại để phục vụ công tác phòng chống lụt bão.

IV. Việc chấp hành Luật Kế toán:

1. Hạch toán kế toán chưa đúng tính chất tài khoản:

- Đối với các xã (*Phú Thị, Phù Đồng, Kiều Kỵ*) có nguồn thu từ thu trạm BTS, thu từ chợ hiện đang hạch toán vào thu từ quỹ đất công đề nghị chuyển sang hạch toán vào thu khác.

- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao Huyện có nguồn thu như tiền điện, tiền nước các đơn vị hỗ trợ khi sử dụng trụ sở, hội trường hiện đang hạch toán và thu hộ chi hộ, đề nghị hạch toán vào thu khác của đơn vị.

2. Công tác mở sổ theo dõi, hạch toán giá trị tài sản khác:

- Văn phòng HĐND-UBND: Không hạch toán phần giá trị tăng thêm của bộ phận “một cửa” tại văn phòng UBND huyện trên hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị (*phần giá trị quyết toán của bộ phận “một cửa” tại văn phòng UBND huyện là: 1.830.008.597 đồng*); Trụ sở mới tại địa chỉ số 1 phố Thuận An, Trâu Quỳ, Gia Lâm, theo báo cáo của đơn vị thì UBND huyện bắt đầu tiếp nhận quản lý và sử dụng từ ngày 01/01/2022. Tuy nhiên đến thời điểm thanh tra (ngày 10/5/2023) vẫn chưa có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán dự án hoàn thành.

V. Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

1. Trong năm 2022, UBND huyện Gia Lâm đã phê duyệt quyết toán được 85 dự án, trong đó có 52 dự án chậm về thời gian phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (*43 dự án chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt; 09 dự án chậm thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán*).

2. Số dự án hoàn thành đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán: 16 dự án, trong đó 06 dự án chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt.

3. Số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa nộp hồ sơ phê duyệt quyết toán là 58 dự án (*dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm làm chủ đầu tư*). Trong đó 19 dự án chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt.

Như vậy về thời gian trong công tác lập báo cáo quyết toán, nộp hồ sơ trình thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của một số dự án còn chậm so với theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính Phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

D. KIẾN NGHỊ, XỬ LÝ TÀI CHÍNH:

I. KIẾN NGHỊ:

1. Đối với UBND huyện Gia Lâm:

1.1. UBND Huyện tiếp tục tăng cường chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch trong công tác tham mưu quản lý, điều hành thu, chi ngân sách; Tích cực khai

thác nguồn thu trên địa bàn, đơn đốc thu nợ đọng thuế, công nợ; Quản lý chặt chẽ các khoản chi, thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của pháp luật; Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng ban, đơn vị thực hiện đúng các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trong công tác giao, phân bổ kế hoạch vốn, thẩm tra dự toán, quyết toán công trình hoàn thành;

1.2. Có văn bản chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác quản lý tài sản công; Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, hướng dẫn các phòng ban, đơn vị sớm thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời thực hiện quản lý tài sản là nhà, đất theo đúng quy định hiện hành; Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của toàn Huyện theo quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và tổng hợp báo cáo theo hướng dẫn tại Công văn số 5527/STC-QLCS ngày 01/9/2021 của Sở Tài chính;

1.3. UBND Huyện có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chấp hành nghiêm các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trong việc sử dụng các cơ sở nhà đất được giao quản lý, sử dụng; Chỉ đạo dứt điểm các đơn vị trực thuộc chấm dứt việc cho thuê, cho mượn tài sản công để khai thác, kinh doanh không phù hợp với quy định của pháp luật; Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, kiểm tra, xử lý và hướng dẫn việc thực hiện sử dụng tài sản công vào việc cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 và Chỉ thị 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính Phủ, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của UBND Thành phố về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật;

1.4. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, tham mưu UBND Huyện báo cáo cấp có thẩm quyền, đảm bảo việc sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của Huyện đúng tiêu chuẩn định mức theo quy định của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND Thành phố;

1.5. Chỉ đạo các đơn vị và Phòng Tài chính - Kế hoạch đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập báo cáo quyết toán công trình hoàn thành và thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo đúng thời gian quy định.

1.6. Chỉ đạo các đơn vị rút kinh nghiệm và khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế tại mục C Kết luận này và thực hiện nghiêm các kiến nghị của đoàn thanh tra đã nêu tại các Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra với các đơn vị nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành trong công tác quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

2.1. Thực hiện tốt hơn nữa công tác tham mưu UBND Huyện về công tác phân, giao dự toán và điều hành ngân sách Huyện. Rà soát, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trong công tác lập, chấp hành, quyết toán ngân sách và việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, quản lý dự án đầu tư XD CB, công tác kế toán và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... đảm bảo đúng các quy định hiện hành;

2.2. Khẩn trương tham mưu UBND Huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, kê khai, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo hướng dẫn tại các Văn bản của Sở Tài chính: Số 5527/STC-QLCS ngày 01/9/2021, số 5008/STC-QLCS ngày 06/8/2021 và số 6113/STC-QLCS ngày 25/10/2022; Chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 2889/UBND-KTTH ngày 05/9/2022 về tăng cường công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ;

Thực hiện rà soát, tham mưu báo cáo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của toàn Huyện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

2.3. Thực hiện rà soát, kiểm tra, xử lý và hướng dẫn việc thực hiện sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị theo đúng Chỉ thị 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính Phủ và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của UBND Thành phố về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật;

2.4. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng, đầy đủ công tác quản lý và sử dụng tài sản công, nhất là đối với tài sản là cơ sở nhà và đất theo đúng quy định của Luật Quản lý sử dụng tài sản công, một số nội dung cụ thể:

- Xây dựng Quy chế quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo đúng quy định.
- Thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản theo quy định tại Điều 103 và Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.
- Thực hiện kiểm kê tài sản hàng năm theo đúng quy định; Rà soát, thực hiện hạch toán đầy đủ, kịp thời tài sản trên sổ sách kế toán; ghi tăng, giảm số lượng tài sản, giá trị tài sản khi có nghiệp vụ phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 và Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.
- Rà soát tài sản hiện đang quản lý, sử dụng, thực hiện báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung và thay đổi thông tin tài sản theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Điều 9 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại Văn bản số 5164/STC-QLCS ngày 31/7/2018 của Sở Tài chính, gửi UBND Huyện (*Phòng Tài chính – Kế hoạch*) xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai và cập nhật số liệu tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài công, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời hiện trạng tài sản và di biến động tài sản công theo 04 nhóm (*Gồm: Đất, nhà, vật kiến trúc; Xe ô tô; Tài sản khác*), gửi Sở Tài chính duyệt dữ liệu theo quy định (*Rà soát đảm bảo tính khớp đúng giữa số liệu của tài sản thực tế đơn vị được giao quản lý sử dụng, sổ kế toán và số liệu nhập được nhập liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài công*).

2.5. Khẩn trương tham mưu UBND Huyện báo cáo cấp có thẩm quyền trong công tác sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của Huyện đảm bảo đúng tiêu chuẩn định mức theo quy định của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND Thành phố;

2.6. Khẩn trương hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị là chủ đầu tư thực hiện hoàn thiện hồ sơ lập quyết toán công trình hoàn thành và tham mưu trình thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo thời gian theo quy định tại Điều

47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính Phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2.7. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, tham mưu UBND Huyện báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị, xử lý tại Kết luận này.

3. Đối với các đơn vị trực thuộc:

3.1. Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật hiện hành trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; trong quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác kế toán. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công phù hợp với chế độ tài chính, tài sản và tình hình thực hiện của đơn vị;

3.2. Lập đầy đủ hồ sơ về nhà, đất tại các địa điểm do đơn vị đang quản lý, sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo qui định tại Chương XI của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

3.3. Nghiêm túc thực hiện việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng Chỉ thị 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của UBND Thành phố về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật;

3.4. Nghiêm túc rút kinh nghiệm và thực hiện các kiến nghị đối với những nội dung còn tồn tại trong công tác quản lý tài chính, tài sản mà Đoàn thanh tra đã nêu tại Biên bản thanh tra đối với từng đơn vị.

II. XỬ LÝ TÀI CHÍNH:

Đề nghị UBND Huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị trực thuộc thực hiện giảm trừ số kinh phí là 3.039.909.593 đồng (*Chi tiết theo biểu 03 đính kèm*), trong đó:

1. Nộp ngân sách huyện, số tiền 732.417.821 đồng.
2. Nộp ngân sách xã, số tiền 85.109.088 đồng.
3. Trích bổ sung kinh phí cải cách tiền lương 645.090.964 đồng.
4. Xử lý tài chính khác, số tiền 1.577.291.720 đồng.

UBND huyện Gia Lâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ các kiến nghị và xử lý tài chính của Sở Tài chính tại Kết luận thanh tra này; báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị, xử lý tài chính về Sở Tài chính Hà Nội - Khu liên cơ quan - số 258 Võ Chí Công - quận Tây Hồ - Hà Nội, sau 15 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- UBND huyện Gia Lâm; (để thực hiện)
- Phòng NS cấp huyện, xã; (để
- Phòng Quản lý công sản; phối
- Phòng TC đầu tư; hợp)
- Lưu VT, TTR.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Công Quyền

QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH HUYỆN GIA LÂM NĂM 2022

(Kèm theo Kết luận số: 459/KL-STC ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài chính Hà Nội)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Nội dung	Dự toán Thành phố giao đầu năm	Dự toán Thành phố giao cả năm	Dự toán HĐND quyết định đầu năm	Dự toán HĐND quyết định cả năm	Quyết toán năm	Trong đó		So sánh (%)			
							NS Huyện	NS Xã	TH/DTTP cả năm	TH/DTTP cả năm	TH/DTTP cả năm	TH/DTTP cả năm
I	2	3	4	5	6	7	8	9	7/3*100	7/4*100	7/5*100	7/6*100
A	Tổng thu NSNN											
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	5.092.240.000.000	5.092.240.000.000	5.092.240.000.000	5.092.240.000.000	4.542.285.985.183	1.710.568.861.533	189.026.364.464	89,2%	89,2%	89,2%	89,2%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	5.092.240.000.000	5.092.240.000.000	5.092.240.000.000	5.092.240.000.000	4.537.984.863.974	1.710.568.861.533	188.929.124.464	89,1%	89,1%	89,1%	89,1%
2	Thu từ dầu thô											
3	Thu từ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu											
4	Thu viện trợ					4.203.881.209						
5	Các khoản huy động, đóng góp					97.240.000		97.240.000				
II	Thu NS địa phương	2.460.947.000.000	2.483.043.000.000	2.460.947.000.000	2.483.043.000.000	6.226.534.670.888	5.443.036.957.418	783.497.713.470	253,0%	253,0%	250,8%	250,8%
II.1	Thu cân đối ngân sách	2.460.947.000.000	2.483.043.000.000	2.460.947.000.000	2.483.043.000.000	6.226.456.961.688	5.442.959.248.218	783.497.713.470	253,0%	253,0%	250,8%	250,8%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.348.480.000.000	2.348.480.000.000	2.348.480.000.000	2.348.480.000.000	1.899.595.225.997	1.710.568.861.533	189.026.364.464	80,9%	80,9%	80,9%	80,9%
-	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	380.170.000.000	380.170.000.000	380.170.000.000	380.170.000.000	534.021.527.602	344.995.163.138	189.026.364.464	140,5%	140,5%	140,5%	140,5%
1.1	Thu từ khu vực DNNN, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000							
	- Thuế tài nguyên	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000							
1.2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					20.744.665	20.744.665					
	- Thuế tài nguyên					20.744.665	20.744.665					
1.3	Lệ phí trước bạ	201.800.000.000	201.800.000.000	201.800.000.000	201.800.000.000	325.756.074.887	205.785.164.202	119.970.910.685	161,4%	161,4%	161,4%	161,4%
1.4	Phí, lệ phí	12.300.000.000	12.300.000.000	12.300.000.000	12.300.000.000	13.808.765.473	8.750.714.007	5.058.051.466	112,3%	112,3%	112,3%	112,3%
1.5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					72.151.740	72.151.740					
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	27.379.970.893		27.379.970.893	130,4%	130,4%	130,4%	130,4%
1.7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	77.040.000.000	77.040.000.000	77.040.000.000	77.040.000.000	95.126.977.127	95.126.977.127		123,5%	123,5%	123,5%	123,5%
1.8	Thu khác ngân sách	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	38.900.933.534	35.239.411.397	3.661.522.137	99,7%	99,7%	99,7%	99,7%
1.9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.018.821.083		29.018.821.083	100,1%	100,1%	100,1%	100,1%

TT	Nội dung	Dự toán Thành phố giao đầu năm	Dự toán Thành phố giao cả năm	Dự toán HĐND quyết định đầu năm	Dự toán HĐND quyết định cả năm	Quyết toán năm	Trong đó		So sánh (%)			
							NS Huyện	NS Xã	TH/DTTP cả năm	TH/DTTP cả năm	TH/DTTP cả năm	TH/DTTP cả năm
1.10	Thu tiền đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất					3.839.848.200		3.839.848.200				
1.11	Các khoản huy động đóng góp XDCSHT					97.240.000		97.240.000				
-	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	1.968.310.000.000	1.968.310.000.000	1.968.310.000.000	1.968.310.000.000	1.365.573.698.395	1.365.573.698.395		69,4%	69,4%		69,4%
1.1	Thu từ khu vực DNNN, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	204.800.000.000	204.800.000.000	204.800.000.000	204.800.000.000	233.969.178.918	233.969.178.918		114,2%	114,2%		114,2%
	- Thuế giá trị gia tăng	57.600.000.000	57.600.000.000	57.600.000.000	57.600.000.000	77.634.555.494	77.634.555.494		134,8%	134,8%		134,8%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	147.200.000.000	147.200.000.000	147.200.000.000	147.200.000.000	156.334.623.424	156.334.623.424		106,2%	106,2%		106,2%
1.2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	513.238.000.000	513.238.000.000	513.238.000.000	513.238.000.000	798.366.646.007	798.366.646.007		155,6%	155,6%		155,6%
	- Thuế giá trị gia tăng	136.700.000.000	136.700.000.000	136.700.000.000	136.700.000.000	238.013.205.706	238.013.205.706		174,1%	174,1%		174,1%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	375.072.000.000	375.072.000.000	375.072.000.000	375.072.000.000	559.723.329.281	559.723.329.281		149,2%	149,2%		149,2%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.466.000.000	1.466.000.000	1.466.000.000	1.466.000.000	630.111.020	630.111.020		43,0%	43,0%		43,0%
1.3	Thuế thu nhập cá nhân	146.208.000.000	146.208.000.000	146.208.000.000	146.208.000.000	140.929.346.368	140.929.346.368		96,4%	96,4%		96,4%
1.4	Thuế bảo vệ môi trường	64.000.000	64.000.000	64.000.000	64.000.000	154.398.616	154.398.616		241,2%	241,2%		241,2%
1.5	Tiền sử dụng đất	1.104.000.000.000	1.104.000.000.000	1.104.000.000.000	1.104.000.000.000	192.154.128.486	192.154.128.486		17,4%	17,4%		17,4%
2	Thu kết dư ngân sách					618.543.878.574	555.897.219.474	62.646.659.100				
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					3.452.015.950.417	3.041.930.167.211	410.085.783.206				
4	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	112.467.000.000	134.563.000.000	112.467.000.000	134.563.000.000	256.301.906.700	134.563.000.000	121.738.906.700				
-	Bổ sung cân đối ngân sách				0	107.787.000.000		107.787.000.000				
-	Bổ sung có mục tiêu	112.467.000.000	134.563.000.000	112.467.000.000	134.563.000.000	148.514.906.700	134.563.000.000	13.951.906.700				
II.2	Thu hoàn trả giữa các cấp NS					77.709.200	77.709.200					
B	Chi ngân sách địa phương	2.460.947.000.000	2.483.043.000.000	2.568.734.000.000	3.201.520.677.028	6.178.990.597.264	5.432.922.126.095	746.068.471.169	251,1%	240,5%		193,0%
I	Chi trong cân đối	2.460.947.000.000	2.483.043.000.000	2.460.947.000.000	3.079.672.839.028	2.488.054.956.934	2.226.653.301.145	261.401.655.789	101,1%	101,1%		80,8%
1	Chi đầu tư phát triển	1.351.639.000.000	1.351.639.000.000	1.351.639.000.000	1.969.179.605.009	1.436.131.587.174	1.369.976.322.993	66.155.264.181	106,3%	106,3%		72,9%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			206.150.000.000	342.986.785.858	270.781.632.872	270.781.632.872			131,4%		78,9%
2	Chi thường xuyên	1.062.338.000.000	1.084.434.000.000	1.062.338.000.000	1.063.523.234.019	1.013.742.014.760	820.215.623.152	193.526.391.608	95,4%	95,4%		95,3%
-	Chi quốc phòng			25.146.000.000	26.722.820.962	26.550.464.857	9.945.000.000	16.605.464.857		105,6%		99,4%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			17.630.000.000	13.367.468.788	10.692.116.327	2.366.634.441	8.325.481.886		60,6%		80,0%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	517.527.000.000	517.527.000.000	525.492.000.000	523.606.824.394	514.878.927.684	514.878.927.684		99,5%	98,0%		98,3%

TT	Nội dung	Dự toán Thành phố giao đầu năm	Dự toán Thành phố giao cả năm	Dự toán HĐND quyết định đầu năm	Dự toán HĐND quyết định cả năm	Quyết toán năm	Trong đó		So sánh (%)			
							NS Huyện	NS Xã	TH/DTTP	TH/DTH	TH/DTTP	TH/DTH
-	Chi khoa học và công nghệ											
-	Chi y tế, dân số và gia đình			24 422 000 000	26 462 675 513	22 776 706 411	21 581 756 311	1 194 950 100		93,3%		86,1%
-	Chi văn hoá thông tin			8 339 000 000	12 066 638 099	11 223 720 048	5 820 023 625	5 403 696 423		134,6%		93,0%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			4 051 000 000	4 034 228 429	3 315 620 347	1 646 778 716	1 668 841 631		81,8%		82,2%
-	Chi thể dục thể thao			4 157 000 000	7 326 946 349	6 678 317 604	4 078 732 110	2 599 585 494		160,7%		91,1%
-	Chi bảo vệ môi trường	86 699 000 000	86 699 000 000	80 596 000 000	72 155 490 000	66 050 596 008	65 041 861 418	1 008 734 590	76,2%	82,0%	76,2%	91,5%
-	Chi các hoạt động kinh tế			56 942 000 000	50 284 657 561	41 674 836 896	38 349 352 311	3 325 484 585		73,2%		82,9%
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			198 957 000 000	217 297 276 424	205 538 229 703	69 348 544 927	136 189 684 776		103,3%		94,6%
-	Chi bảo đảm xã hội			107 694 000 000	108 819 207 500	102 983 478 875	85 779 011 609	17 204 467 266		95,6%		94,6%
-	Chi khác			8 912 000 000	1 379 000 000	1 379 000 000	1 379 000 000			15,5%		100,0%
-	Mua sắm, sửa chữa											
3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương											
4	Dự phòng ngân sách	46 970 000 000	46 970 000 000	46 970 000 000	46 970 000 000	38 181 355 000	36 461 355 000	1 720 000 000	81,3%	81,3%	81,3%	81,3%
5	Tăng thu tiền sử dụng đất và đóng góp xây dựng CSHT chuyển nguồn sang năm sau											
II	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			107 787 000 000	121 847 838 000	121 738 906 700	121 738 906 700			112,9%		99,9%
1	Bổ sung cân đối			107 787 000 000	107 787 000 000	107 787 000 000	107 787 000 000			100,0%		100,0%
2	Bổ sung có mục tiêu				14 060 838 000	13 951 906 700	13 951 906 700					99,2%
III	Chi chuyển nguồn					3 557 102 528 014	3 072 513 421 834	484 589 106 180				
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên					12 094 205 616	12 016 496 416	77 709 200				
	KẾT DƯ NS					47 544 073 624	10 114 831 323	37 429 242 301				

NGUỒN, NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG HUYỆN GIA LÂM NĂM 2022

(Kèm theo Kết luận số: **4539**/KL-STC ngày **03** tháng **08** năm 2023 của Sở Tài chính Hà Nội)

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	NỘI DUNG	Dự toán Thành phố giao	Thực hiện		
			Tổng số	Trong đó	
				Cấp huyện	Cấp xã
1	2	3	4=5+6	5	6
I	Tổng cộng nguồn CCTL	2.623.992.064.792	2.635.750.356.120	2.249.724.063.630	386.026.292.490
1	10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022	46.231.000.000	46.231.000.000	36.961.000.000	9.270.000.000
2	40% nguồn thu để lại để thực hiện CCTL		11.082.489.517	11.082.489.517	
-	Dự toán giao năm 2020		0		
-	Chênh lệch tăng thêm thực hiện so dự toán năm 2020		0		
3	Ngân sách cấp trên bổ sung năm 2022 (NS Huyện bổ sung)		0		
4	50% tăng thu dự toán 2022 so với dự toán năm 2022	0	0		
5	Nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang	2.577.761.064.792	2.577.761.064.792	2.201.436.070.879	376.324.993.913
-	Trong đó: 40% nguồn thu để lại để thực hiện CCTL		4.948.271.427	4.948.271.427	
-	Dư tại đơn vị: Nguồn NSNN		9.379.799.452	9.379.799.452	
-	Dư ngân sách các cấp		1.910.827.125.959	1.722.232.000.000	188.595.125.959
-	70% Tăng thu thực hiện 2021 so DT 2021		652.605.867.954	464.876.000.000	187.729.867.954
6	Bổ sung nguồn theo Kết luận Kiểm toán, Thanh tra		675.801.811	244.503.234	431.298.577
-	Kiểm toán		244.503.234	244.503.234	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch		0	0	
+	Nguồn 40% thu được để lại		0		
+	Nguồn NSNN đã giao đơn vị		0		

STT	NỘI DUNG	Dự toán Thành phố giao	Thực hiện		
			Tổng số	Trong đó	
				Cấp huyện	Cấp xã
7	40% nguồn thu hỗ trợ học phí do ảnh hưởng covid-19	0	0		
II	Quyết toán chi từ nguồn CCTL năm 2022		10.833.568.400	10.492.081.000	341.487.400
1	Chi thực hiện CCTL		1.045.258.400	703.771.000	341.487.400
-	40% nguồn thu để lại để thực hiện CCTL		0		
-	Nguồn NSNN đã giao đơn vị		0		
-	Ngân sách các cấp		1.045.258.400	703.771.000	341.487.400
2	Chi hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng Covid-19		9.788.310.000	9.788.310.000	
III	Nguồn CCTL còn dư chuyển sang năm 2023		2.624.916.787.720	2.239.231.982.630	385.684.805.090
1	Nguồn NSNN đã giao đơn vị		5.819.175.452	5.819.175.452	
2	40% nguồn thu để lại để thực hiện CCTL		16.030.760.944	16.030.760.944	
	Trong đó: 40% nguồn thu hỗ trợ học phí				
3	Số dư tại ngân sách các cấp		2.603.066.851.324	2.217.382.046.234	385.684.805.090
IV	70% tăng thu thực hiện 2022 so với dự toán năm 2022	652.548.000.000	529.048.700.574	436.425.000.000	92.623.700.574
	Tổng nguồn CCTL chuyển sang năm 2023 (III+IV)		3.153.965.488.294	2.675.656.982.630	478.308.505.664

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ, XỬ LÝ VỀ TÀI CHÍNH NĂM 2022 CỦA UBND HUYỆN GIA LÂM
(Kèm theo Kết luận thành tra số **4599** / KL-STC ngày **03** tháng **8** năm 2023 của Sở Tài chính Hà Nội)

(Đơn vị: đồng)

STT	Cơ quan/tổ chức/đơn vị/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý							Khác	Tổng cộng	Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (m2)	Kiến nghị thu hồi				Hoàn trả, trích bổ sung nguồn CCTL	Giảm trừ khi quyết toán, thanh toán				
					Về NSNN		Về CQ, tổ chức, đơn vị không phải NSNN							
					Tiền (đ)	Nhà, đất	Tiền (đ)	Nhà, đất						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
		Tổng số			818.931.109	0	0	0	645.090.964	0	1.577.291.720	3.039.909.593		
		Nộp ngân sách Huyện										732.417.821		
		Nộp ngân sách Xã										85.109.088		
		Trích bổ sung CCTL										645.090.964		
		Nội dung khác										1.577.291.720		
Chi tiết tại các đơn vị														
1	UBND xã Dương Xá	Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương							46.200.000			46.200.000		
2	UBND xã Đa Tốn	Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương							25.200.000			25.200.000		
3	UBND xã Ninh Hiệp	Tiền cho thuê địa điểm tại trụ sở UBND xã Ninh Hiệp										41.461.000	Nộp ngân sách Xã	
		Không giải trình được số dư tồn trên tài khoản tiền gửi từ nhiều năm đối với các khoản thu hộ, chi hộ khác			11.889.412							11.889.412	Nộp ngân sách Xã	
		Kinh phí cấp bù học phí đã được cấp cao hơn quy định chưa nộp ngân sách Huyện			422.261.600							422.261.600	Nộp ngân sách Huyện	
4	Trường THCS Thị trấn Trâu Quỳ	Chưa thực hiện trích kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn dạy thêm học thêm và nguồn dịch vụ theo quy định							141.772.097			141.772.097		
		Chưa phân phối bổ sung vào các quỹ theo quy định									212.658.144	212.658.144		

STT	Cơ quan/tổ chức/đơn vị/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý							Ghi chú		
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (m2)	Kiến nghị thu hồi				Hoàn trả, trích bổ sung nguồn CCTL	Giảm trừ khi quyết toán, thanh toán	Khác			Tổng cộng
					Về NSNN		Về CQ, tổ chức, đơn vị không phải NSNN							
					Tiền (đ)	Nhà, đất	Tiền (đ)	Nhà, đất	Tiền (đ)	Tiền (đ)	Tiền (đ)	Tiền (đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
5	Ban Quản lý dự án ĐTXD Huyện	Công trình: Xây dựng Trường Mầm non khu vực xã Yên Viên và thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm			91.842.213							91.842.213	Báo cáo UBND Huyện để làm rõ trách nhiệm và nộp ngân sách Huyện	
		Công trình: Xây dựng tuyến đường khớp nối từ khu đô thị Đặng Xá đến Trường Tiểu học Trung Thành, huyện Gia Lâm			72.418.248							72.418.248		
		Công trình: Xây dựng trường THCS Kiều Kỳ, huyện Gia Lâm			122.381.866							122.381.866		
6	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 Giang Cao, xã Bát Trảng, huyện Gia Lâm									34.037.203	34.037.203		
		Công trình: Cải tạo, chỉnh trang đường liên thôn, trục chính thôn Cam 4, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)			23.513.894							23.513.894	Báo cáo UBND Huyện để làm rõ trách nhiệm và nộp ngân sách Huyện	
		Chưa thực hiện phân phối bỏ sung vào các quỹ theo quy định									1.330.596.373	1.330.596.373		
7	Thể dục thể thao Huyện	Trích bổ sung CCTL do tăng thu từ nguồn thu khác							54.061.867			54.061.867		
8	UBND xã Kiều Kỳ	Trích bổ sung CCTL do tăng thu từ nguồn thu khác							16.800.000			16.800.000		
9	UBND xã Phù Đồng	Trích bổ sung CCTL do tăng thu từ nguồn thu khác							92.400.000			92.400.000		
10	UBND xã Phù Thị	Trích bổ sung CCTL do tăng thu từ nguồn thu khác							268.657.000			268.657.000		
11	UBND xã Đặng Xá	Nộp ngân sách xã số tiền do không xác định được đối tượng chi trả			31.758.676							31.758.676	Nộp ngân sách xã	